TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 100/2017/HNGĐ-ST Ngày: 18-9-2017 V/v tranh chấp ly hôn giữa chị M và anh H	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Mạnh

2. Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1250/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Phường A, quận N, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Huyện Đào Viên, Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Chị và anh H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được khoảng 2 tuần thì anh H trở về Đài Loan. Từ đó đến nay anh H không về Việt Nam thăm chị M, hai vợ chồng không có sự liên lạc, quan tâm chăm sóc, chia sẻ tình cảm. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly

hôn với anh H. Con chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh H vắng mặt đã được Tòa án ủy thác tư pháp để tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về thời gian giải quyết vụ án. Ngày 14 tháng 8 năm 2017 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác của Bộ Tư pháp về việc đã thực hiện việc ủy thác tư pháp của Tòa án vào ngày 05 tháng 5 năm 2017.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn anh H theo đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung khởi kiện: Cuộc sống chung giữa Chị M và anh H không tồn tại, không có sự quan tâm chia sẻ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Do anh H về Đài Loan và không liên lạc với chị M từ năm 2014 đến nay. Quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 127 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 11 năm 2014, theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, anh H là người Đài Loan hiện đang cư trú ở Đài Loan nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Huang, Shih – Tse vắng tại phiên tòa, Tòa án đã ủy thác tư pháp để tống đạt thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên tòa. Theo kết quả ủy thác tư pháp thì Tòa án quận Taoyuan Đài Loan đã chuyển giao thành công hồ sơ ủy thác tư pháp, nhưng anh H không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn chị M và anh H mỗi người sống một nước, không liên lạc gì với nhau, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ tình cảm chung. Xét thấy cuộc sống chung không có, tình cảm vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của Chị M là chính đáng, cần được chấp nhận xử cho chị M và anh H được ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị M và anh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị M và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; khoản 2 Điều 227; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a khoản 5 Điều 477 khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Trần Thị M và anh H được ly hôn.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí và phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008718 ngày 30 tháng 11 năm 2016 và 150.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0008682 ngày 08 tháng 12 năm 2016 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp.

Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp tiền lệ phí ủy thác tống đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Toà án thực hiện việc tống đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí uỷ thác do đương sự nộp.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Trần Thị M và được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Phương

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Phương